

KẾ HOẠCH
Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kì cuối năm và kết thúc năm học
2021-2022

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ công văn số 673/GDĐT-TH, ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 Về thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018;

Căn cứ thông báo số 1151/TB-SGDĐT-TH, ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM Về thông báo kết luận của Phó Giám đốc Sở GD và ĐT tại Hội nghị giao ban chuyên môn tiểu học;

Căn cứ công văn số 449/GDĐT-TH ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6 về thực hiện thời gian kiểm tra định kì cuối năm học và xây dựng kế hoạch kết thúc năm học 2021-2022.

Trường Tiểu học Hùng Vương lập Kế hoạch Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kì cuối năm và kết thúc năm học 2021-2022 như sau:

I. Yêu cầu chung:

- Thực hiện theo quy định tại TT30, TT22 và TT27 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Là cơ sở để xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học. Đồng thời cũng nhằm chuẩn bị cho hoạt động nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh giữa các khối lớp trong trường tiểu học và giữa trường tiểu học với trường trung học cơ sở.

- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát triển năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

- Đánh giá toàn diện học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

- Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kì bằng điểm số kết hợp với nhận xét; Kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất.

- Thực hiện nghiêm túc nhưng phải nhẹ nhàng, thân thiện.

- Để việc khen thưởng học sinh cuối năm học đảm bảo thực chất và có ý nghĩa thiết thực, tránh những hiện tượng đáng tiếc, cần kiên quyết khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, tránh khen tràn lan gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong xã hội và giáo dục học sinh.

II. Tổ chức thực hiện:

1. Việc tổ chức đánh giá định kì về học tập, năng lực và phẩm chất.

1.1. Đối với học sinh lớp 1, 2

1.1.1. Về học tập

Giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và yêu cầu cần đạt, biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục để đánh giá học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục theo 3 mức được quy định trong điều 7 Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT: Hoàn thành Tốt, Hoàn thành, Chưa hoàn thành.

1.1.2. Về năng lực và phẩm chất

Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên dạy cùng lớp, thông qua các nhận xét, các biểu hiện trong quá trình đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của mỗi học sinh và đánh giá theo 3 mức Tốt, Đạt, Cần cố gắng.

- Đánh giá sự hình thành và phát triển một số năng lực của học sinh:

- Tự phục vụ, tự quản;
- Giao tiếp và hợp tác;
- Tự học và giải quyết vấn đề, sáng tạo.

- Đánh giá sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của học sinh:

- Yêu nước;
- Nhân ái;
- Chăm chỉ;
- Trung thực;
- Trách nhiệm.

1.2. Đối với học sinh 3, 4, 5

1.2.1. Về học tập

Giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và chuẩn kiến thức, kỹ năng để đánh giá học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục theo 3 mức được quy định trong Thông tư 22/2016: Hoàn thành Tốt, Hoàn thành, chưa hoàn thành.

1.2.2. Về năng lực và phẩm chất

Giáo viên căn cứ vào các biểu hiện liên quan đến nhận thức, kỹ năng, thái độ trong quá trình đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng năng lực, phẩm chất của mỗi học sinh theo 3 mức Tốt, Đạt, Cần cố gắng.

2. Việc tổ chức kiểm tra định kì cuối năm học

Ôn tập cho học sinh

- Tổ chuyên môn thống nhất xây dựng kế hoạch ôn tập, phụ đạo riêng cho học sinh có kết quả đánh giá thường xuyên chưa hoàn thành; thông báo lịch kiểm tra và phối hợp cùng gia đình nhằm chuẩn bị các điều kiện học tập thật tốt cho học sinh.

- Tuyệt đối không chạy theo thành tích để đối phó, gây áp lực, tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho giáo viên, học sinh và gia đình các em.

- Việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà đối với học sinh học 2 buổi/ngày; không soạn đề cương bắt buộc học sinh làm bài, tránh việc nhồi nhét kiến thức dưới hình thức học thuộc lòng bài mẫu, đề cương; không cho học sinh tập chép cả bài tập đọc.

- Giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh cách tự học, tự rèn luyện theo đúng chuẩn kiến thức, kỹ năng.

- Giáo viên thông báo đến phụ huynh và học sinh lịch kiểm tra trước thời gian kiểm tra 1 tuần.

3. Nội dung kiểm tra.

3.1. Yêu cầu chung:

- Nội dung đề kiểm tra đánh giá căn cứ theo Chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng môn học; phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh và yêu cầu giảm tải theo đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời thực hiện đúng các hướng dẫn, rút kinh nghiệm của các cấp quản lý giáo dục, những kiến thức, kỹ năng nào được giảng dạy với số tiết nhiều hơn thì ưu tiên ra đề kiểm tra.

- Nội dung kiểm tra giới hạn **từ Tuần 19 đến Tuần 33** (Riêng đối với môn Toán và môn Tiếng Việt lớp 4 nội dung kiểm tra giới hạn từ tuần 29 đến tuần 33, môn Toán và môn Tiếng Việt lớp 5 nội dung kiểm tra giới hạn từ tuần 29 đến tuần 32). Riêng đối với phân môn Đọc thành tiếng, **Giáo viên chọn 10 bài đọc giới hạn từ Tuần 29 đến Tuần 33 cho học sinh bốc thăm bài đọc (Lớp 1, 2 nội dung đọc là bài ngoài SGK, lớp 5 nội dung kiểm tra giới hạn từ tuần 29 đến tuần 32)**

3.2. Yêu cầu cụ thể

3.2.1. Đối với lớp 1, 2.

Đề kiểm tra định kỳ phù hợp với yêu cầu cần đạt và các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập.

+ Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự.

+ Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh. Điểm của bài kiểm tra định kỳ không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác.

Nếu kết quả bài kiểm tra cuối học kỳ I và cuối năm học bất thường so với đánh giá thường xuyên, giáo viên đề xuất với nhà trường có thể cho học sinh làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh.

❖ Đối với môn Tiếng Việt:

a. Nội dung kiểm tra:

- Nội dung kiểm tra căn cứ vào yêu cầu cần đạt đối với môn Tiếng Việt lớp 1, 2 được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn.

b. Ma trận đề kiểm tra

- Ma trận nội dung: mỗi ô nêu nội dung kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi;

- Ma trận câu hỏi: mỗi ô nêu hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi;

- Căn cứ để kiểm tra, đánh giá: những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe được quy định trong Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1, 2.

c. Cấu trúc đề kiểm tra

Đề kiểm tra cuối học năm lớp 1 gồm có các nội dung sau:

- Kiểm tra đọc (kết hợp kiểm tra nghe, nói), có thể kiểm tra những nội dung sau:

+ Đọc thành tiếng đoạn/bài ngắn và trả lời câu hỏi để nhận biết thông tin quan trọng trong đoạn/bài đọc.

+ Đọc hiểu đoạn/bài ngắn;

- Kiểm tra viết, có thể kiểm tra những nội dung sau:

- + Viết đúng từ ngữ theo quy tắc chính tả;
- + Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn;
- + Viết câu ngắn dựa trên gợi ý;

- Cần chú ý khắc phục những điểm góp ý về đề kiểm tra tại các đợt sinh hoạt chuyên môn trước đây (độ dài đoạn văn đọc chính tả, bài đọc thành tiếng, văn bản sử dụng trong bài đọc thầm; tỷ lệ điểm của các câu hỏi trong bài đọc thầm tương ứng với tỷ lệ mức độ nhận thức cần đạt; đề tập làm văn và hướng dẫn chấm theo hướng mở;)

- Đọc tiếng: Khối 1: khoảng 40 đến 60 tiếng/ phút; Khối 2: khoảng 67 đến 70 tiếng/ phút. Tổ khối thống nhất **chọn 10 bài đọc ngoài sách giáo khoa cho học sinh bốc thăm bài đọc.**

- Đọc hiểu: Độ dài bài đọc thầm lớp 1 khoảng 90 đến 130 chữ.

Độ dài bài đọc thầm lớp 2 khoảng 195 đến 200 chữ, bài miêu tả khoảng 170-180 chữ, thơ khoảng 70-75 chữ.

Nội dung tìm hiểu khoảng 4 đến 6 câu hỏi, tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận khoảng 60%- 40%.

Viết:

- Chính tả: Lớp 1: Số lượng chữ viết khoảng 30 đến 35 chữ/15 phút.

Lớp 2: Số lượng chữ viết khoảng 53 đến 55 chữ/15 phút.

- Tập làm văn: Chú ý soạn đề theo dạng đề mở, có biểu điểm hướng dẫn chấm từng phần rõ ràng. (Lớp 2: Viết đoạn văn ngắn từ 4 đến 5 câu.)

Lưu ý quy định về cách tính điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt như sau:

+ Bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt gồm có hai kĩ năng: kĩ năng Đọc và kĩ năng Viết.

+ Điểm kiểm tra cho từng kĩ năng Đọc và Viết là tổng điểm của các nội dung trong từng kĩ năng và không được làm tròn. Ví dụ: điểm nội dung Đọc hiểu là 4 điểm, nội dung Đọc thành tiếng là 4,5 điểm; như vậy điểm của kĩ năng Đọc là 8,5 điểm.

+ Điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là trung bình cộng điểm của 2 kĩ năng Đọc, Viết quy về thang điểm 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn 0,5 điểm lên thành 1,0 điểm. Ví dụ: điểm kiểm tra của 2 kĩ năng Đọc, Viết là 19, quy về thang điểm 10 là 9,5 điểm (làm tròn số thành 10 điểm).

+ Giáo viên không được tùy tiện nâng điểm, hạ điểm khi chấm bài làm của học sinh.

❖ **Đối với môn Toán:**

Lớp 1

a. Nội dung kiểm tra

- Căn cứ vào yêu cầu cần đạt đối với môn Toán lớp 1 khi hết năm học cần xác định yêu cầu cần đạt trong đề kiểm tra.

+ Căn cứ vào thời lượng, nội dung chương trình, phân phối tỉ lệ theo mạch kiến thức:

Số học khoảng 80%: Số tự nhiên (Đếm, đọc viết các số trong phạm vi 100, so sánh các số trong phạm vi 100); Các phép tính với số tự nhiên (Phép cộng, phép trừ, tính nhẩm, thực hành giải quyết các vấn đề liên quan đến các phép tính cộng, trừ);

Hình học và đo lường khoảng 20%: Hình phẳng và hình khối (Quan sát, nhận biết hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản, thực hành lắp ghép, xếp hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đơn giản); Đo lường (Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng, thực hành đo đại lượng).

+ Tùy theo từng đơn vị có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá.

Ví dụ, Mức 1: Khoảng 50%; Mức 2: Khoảng 30%; Mức 3: Khoảng 20%.

- Thời lượng làm bài kiểm tra 35 phút (theo thời gian của 1 tiết học).

b. Ma trận kiểm tra

- **Ma trận nội dung:** mỗi ô nêu nội dung kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi (Tham khảo phụ lục đề kiểm tra minh họa môn Toán).

Mạch kiến thức	Số câu	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số học	Số câu	2	2	1	1		2	3	5
	Số điểm	2	2	1	1		2	3	5
Hình học và đo lường	Số câu		1		1				2
	Số điểm		1		1				2
Tổng	Số câu	2	3	1	2		2	3	7
	Số điểm	2	3	1	2		2	3	7

- **Ma trận câu hỏi:** mỗi ô nêu hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi (Tham khảo phụ lục đề kiểm tra minh họa môn Toán)

Chủ đề		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
Số học	Số câu	4	2	2	8

	Câu số	1, 3, 4, 5	6, 7	9, 10	
Hình học và đo lường	Số câu	1	1		2
	Câu số	2	8		
Tổng		5	3	2	10

- Căn cứ để kiểm tra, đánh giá: những yêu cầu cần đạt về được quy định trong Chương trình môn Toán lớp 1 theo từng thời điểm kiểm tra.

- Bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 10; điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn thành số nguyên không có phần thập phân theo nguyên tắc từ 0,5 điểm trở lên làm tròn thành 1,0 điểm (Đối với các bài có biểu điểm 0,25 thì giáo viên đánh giá làm tròn điểm như sau: nếu 7,25 $\Rightarrow$ 7, nếu 7,75 $\Rightarrow$ 8)

c. Cấu trúc đề kiểm tra

+ Đề kiểm tra có 10 câu hỏi gồm các câu hỏi trắc nghiệm khách quan (Đúng sai, điền khuyết, nhiều lựa chọn, trả lời ngắn, đối chiếu nối cặp,...) và các câu hỏi tự luận, mỗi câu hỏi 1 điểm.

+ Tỷ lệ các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 30%, tự luận 70%

+ Phần giải toán có lời văn thông qua các tình huống thực tế trong cuộc sống được tích hợp vào hai mạch kiến thức với mức độ khác nhau. Lưu ý đối với lớp 1 chỉ ở mức độ nhìn mô hình hoặc đọc đề bài để điền vào phép tính.

Lớp 2

* **Thời gian làm bài:** 40 phút

* **Hình thức:**

+ Trắc nghiệm: 3 điểm

+ Tự luận: 7 điểm

* **Đối với các mạch kiến thức:**

+ Số, đại số, 1 số yếu tố giải tích (khoảng 75%)

+ Hình học và đo lường (khoảng 20%)

+ Thống kê và xác suất (khoảng 5%)

3.2.2. Đối với lớp 3, 4, 5.

❖ Môn Tiếng Việt:

- Khuyến khích sử dụng các văn bản ngoài sách giáo khoa đối với nội dung Đọc thầm; áp dụng các bài tập luyện viết (đối với học sinh lớp 1), bài tập Luyện từ và Câu mới, mẫu bài tập hướng đến khắc phục lỗi chính tả phương ngữ của học sinh theo nội dung đã được tập huấn, nội dung đề (đặc biệt là đề Đọc thầm) cần hướng đến việc kiểm tra kỹ năng đọc và đọc hiểu của học sinh (tiến đến khuyến khích văn hóa đọc trong các giai đoạn giảng dạy sau).

- Cần chú ý khắc phục những điểm góp ý về đề kiểm tra tại các đợt sinh hoạt chuyên môn trước đây:

+ Độ dài đoạn văn đọc thành tiếng, văn bản sử dụng trong bài đọc thầm, tỷ lệ điểm của các câu hỏi trong bài đọc thầm tương ứng với tỷ lệ mức độ nhận thức cần đạt, lỗi chính tả, phong chữ, cỡ chữ...

+ Cấu trúc ma trận đề (số điểm từng câu, mức độ nhận thức của câu hỏi, số câu hỏi, tính chính xác của ma trận và đề...), mức độ đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, cách ra câu lệnh, nội dung hỏi ở mức độ nhận thức 4, độ "mở" của đề Tập làm văn, hướng dẫn chấm tập làm văn theo hướng "mở"...

❖ Môn Toán:

* **Thời gian làm bài:** Lớp 3, 4, 5: 40 phút

* **Hình thức:**

+ Trắc nghiệm: 3 điểm

+ Tự luận: 7 điểm

* **Đối với các mạch kiến thức:**

+ Số học (khoảng 50%): Củng cố về các vòng số và các phép tính trên các vòng số.

+ Đại lượng và đo đại lượng (khoảng 27% hoặc 30%): tập trung về các bảng đơn vị đo.

+ Yếu tố hình học (khoảng 23% hoặc 20%) Xoay quanh các hình cơ bản trong chương trình đã học.

+ Giải toán có lời văn: tăng cường các bài toán phát triển năng lực, thông qua các tình huống trong thực tế cuộc sống được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng. Không ra các dạng toán khó trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi.

+ Lớp 3: Tối đa 2 lời giải và 2 phép tính

+ Lớp 4: Tối đa 3 lời giải và 3 phép tính

+ Lớp 5: Tối đa 4 lời giải và 4 phép tính

❖ Môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí

- Thời gian làm bài từ 35 đến 40 phút. Hình thức đề kiểm tra: Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: có cả câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận. Thực hiện soạn đề theo ma trận có 4 mức độ.

• Khoa học:

- Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (nhiều lựa chọn, đúng – sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi,...)

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40 % số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

• **Lịch sử - Địa lí:**

- **Phần Lịch sử (5 điểm)**

Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- **Phần Địa lí (5 điểm)**

Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

+ Câu hỏi trắc nghiệm gồm cả phần Lịch sử và Địa lí có đủ các dạng bài tập (nhiều lựa chọn, chọn Đúng – sai, điền khuyết, viết tiếp, đối chiếu cặp đôi,...)

+ Ở mức 4 chỉ nên sử dụng 1 câu – hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lí.

*** Thời gian làm kiểm tra:** Từ 35 đến 40 phút.

*** Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn:**

- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình;
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;
- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;
- Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;
- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;
- Mỗi phương án nhiều phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức;
- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh;
- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;
- Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn;
- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất;
- Hạn chế đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng”.

*** Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận:**

- Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

- Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;
- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;
- Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;
- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;
- Yêu cầu học sinh phải hiểu và vận dụng nhiều, nâng cao hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin;

❖ Môn Tin học

- Thời gian làm bài: bài kiểm tra tin học được tiến hành trong thời gian một tiết học, với 30% thời gian cho bài tập Lý thuyết và 70% cho bài tập thực hành.
- Đề kiểm tra thực hành bảo đảm có từ hai bài tập trở lên từ cơ bản (Thực hành theo mẫu cho sẵn) đến nâng cao (Thực hành sáng tạo)
- **Đánh giá:** Kết quả kiểm tra là kết quả tổng cộng từ hai phần Lý thuyết và Thực hành với tỉ lệ điểm là 5 điểm lý thuyết và 5 điểm thực hành.

❖ Môn Tiếng Anh (TA tăng cường - TA đề án)

- Thời gian làm bài kiểm tra: bài kiểm tra tiến hành trong thời gian 30 phút cho 3 kĩ năng: Nghe (10 phút), Viết (10 phút), Đọc (10 phút). Riêng kĩ năng Nói, giáo viên kiểm tra theo các tiết dạy trên lớp.
- Nội dung kiểm tra: Học sinh học bộ sách Family and Friends Special Edition, đề kiểm tra được soạn trên ngữ liệu của sách đó.
- **Đánh giá:** Kết quả kiểm tra là kết quả trung bình cộng từ 04 kĩ năng: Nghe, nói, đọc, viết.

4. Ra đề và duyệt đề:

4.1. Đối với khối 1, 2, 3, 4:

- Giáo viên chủ nhiệm soạn đề kiểm tra, sau đó nộp về cho tổ chuyên môn. Tổ chuyên môn thẩm định đề, thống nhất và gửi cho cán bộ quản lý 3 đề.
- Cán bộ quản lý sẽ chịu trách nhiệm duyệt đề và chọn lại 2 đề (1 đề chính thức và 1 đề dự phòng) làm đề kiểm tra cho khối.
- Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp và giáo viên lớp trên cùng coi và cùng tham gia chấm bài kiểm tra định kì.
- Giáo viên chủ nhiệm lớp làm giám thị 2 và giáo viên lớp trên làm giám thị 1.

4.2. Đối với khối 5:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra cấp quận, thành lập Hội đồng kiểm tra đánh giá, nghiệm thu và bàn giao chất lượng giáo dục học sinh lớp 5 của các trường tiểu học với thành phần như sau:

- + Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng trường tiểu học.
- + Phó Chủ tịch Hội đồng 1 là Phó Hiệu trưởng trường tiểu học.
- + Phó Chủ tịch Hội đồng 2 là Phó Hiệu trưởng Trường THCS (hoặc 1 đại diện của trường THCS do Hiệu trưởng ủy nhiệm), ủy viên là 1 giáo viên dạy Ngữ văn, 1 giáo viên dạy Toán trường THCS.

- Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn ra 3 đề.
- Cán bộ quản lý sẽ chịu trách nhiệm duyệt đề và chọn lại 2 đề (1 đề chính thức và 1 đề dự phòng) làm đề kiểm tra cho khối.

- Tổ chức coi kiểm tra: Hiệu trưởng nhà trường và Hội đồng coi kiểm tra tiến hành phân công giám thị theo tiêu chí: giáo viên chủ nhiệm lớp làm giám thị 2 và giáo viên lớp khác làm giám thị 1. Phó Chủ tịch Hội đồng 2 là Phó Hiệu trưởng Trường THCS (hoặc 1 đại diện của trường THCS do Hiệu trưởng ủy nhiệm) làm nhiệm vụ giám sát.

- Tổ chức chấm kiểm tra: Hiệu trưởng nhà trường và Hội đồng chấm kiểm tra tiến hành phân công giám khảo là giáo viên lớp 5 (đảm bảo chấm 2 vòng). Ủy viên Hội đồng kiểm tra đánh giá, nghiệm thu là giáo viên Ngữ văn và Toán THCS chấm thẩm định theo xác suất từ 10% trở lên. Nếu điểm chấm thẩm định có sai lệch với giám khảo lớp 5 thì báo cáo Chủ tịch Hội đồng quyết định. Trường hợp có nhiều bài sai lệch thì báo cáo cho Hội đồng để xem xét toàn bộ bài làm học sinh, đề xuất hướng xử lý thích hợp và báo cáo cho Ban Chỉ đạo kiểm tra cấp quận quyết định.

4.3. Bài kiểm tra định kì được giáo viên nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế, cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân, đồng thời trả lại bài cho học sinh theo công văn số 877/GDĐT-TH ngày 30/11/2016 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên không được tùy tiện nâng điểm, hạ điểm khi chấm bài làm của học sinh.

- Lưu ý quy định về cách tính điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt như sau:

- + Bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt gồm có hai kĩ năng: kĩ năng Đọc và kĩ năng Viết.

- + Điểm kiểm tra cho từng kĩ năng Đọc và Viết là tổng điểm của các nội dung trong từng kĩ năng và không được làm tròn. Ví dụ: điểm nội dung Đọc thẩm là 5, nội dung Đọc thành tiếng là 3,5; như vậy điểm của kĩ năng Đọc là 8,5.

- + Điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là trung bình cộng điểm của 2 kĩ năng Đọc, Viết quy về thang điểm 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và được

làm tròn 0,5 thành 1. Ví dụ: điểm kiểm tra của 2 kĩ năng Đọc, Viết là 19, quy về thang điểm 10 là 9,5 (làm tròn số thành 10).

4.4. Yêu cầu các thành viên trong Hội đồng kiểm tra tuyệt đối không được nhắc bài, giải bài trong suốt quá trình kiểm tra.

4.5. Khâu in ấn đề kiểm tra định kì phải được bảo mật.

4.6. Môn Tin học: Giáo viên Tin học chuẩn bị mỗi khối 2 đề kiểm tra. Hiệu trưởng xem xét, chọn ngẫu nhiên một trong 2 đề của mỗi khối để kiểm tra chung cho khối.

4.7. Môn Tiếng Anh: Giáo viên Tiếng Anh chuẩn bị mỗi khối 2 đề kiểm tra. Hiệu trưởng xem xét, chọn ngẫu nhiên một trong 2 đề của mỗi khối để kiểm tra chung cho khối.

4.8. Đối với học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập; học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục chuyên biệt; học sinh lang thang cơ nhỡ, lớp học linh hoạt thực hiện theo Điều 12, TT22.

5. Thực hiện hồ sơ đánh giá:

Thực hiện theo Điều 13 của TT22 và công văn số 877/GDDT-TH ngày 30/11/2016 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học:

Thực hiện đúng các điều kiện theo Điều 14 của TT22 và lưu ý hiệu trưởng phải xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp của học sinh đảm bảo chính xác, đúng trình độ của học sinh.

7. Nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh:

- Các lớp tổ chức nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh theo đúng qui định tại Điều 15 của TT22.

- Đối với khối 1, 2, 3, 4:

+ Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm trao đổi với giáo viên sẽ nhận học sinh vào năm học tiếp theo về những nét nổi bật hoặc hạn chế của học sinh, bàn giao hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 của TT22.

- Đối với khối 5: Trưởng phòng GD&ĐT chỉ đạo nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học lên lớp 6 phù hợp với điều kiện của địa phương.

8. Khen thưởng:

- Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh tự nhận xét, tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn theo hướng dẫn của giáo viên; phối hợp và hướng dẫn cha mẹ

học sinh tham gia vào quá trình đánh giá; tổng hợp và lập danh sách đề nghị hiệu trưởng tặng giấy khen cho học sinh.

- Việc khen thưởng được thực hiện theo Điều 16 của TT22 đối với HS lớp 3, 4, 5 và Điều 13 của TT27 đối với HS lớp 1, 2.

III. Công tác kết thúc năm học

- Khối 5 kết thúc chương trình ngày 03/6/2022.
- Khối 1, 2, 3, 4 kết thúc chương trình ngày 10/6/2022.
- Tổ chức Lễ tri ân và trưởng thành cho học sinh lớp 5 ngày 22/6/2022.
- Giới thiệu ngôi trường tiểu học của em ngày 24/6/2022.
- Tổng kết lớp ngày 27/6/2022.
- Lễ tổng kết năm học toàn trường ngày 28/6/2022.
- Tổ chức xét thi đua cuối năm học, đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, Chuẩn hiệu trưởng, đánh giá viên chức năm học 2021-2022.
- Hoàn tất các thống kê, báo cáo, hồ sơ sổ sách cuối năm.
- Trả hồ sơ học sinh lớp 5 chậm nhất ngày 10/6/2022.

III. Tổ chức kiểm tra định kì cuối năm học 2021-2022 theo lịch như sau:

TUẦN	MÔN	THỜI GIAN KIỂM TRA	PHÂN CÔNG
Tuần 32 (16/5 – 20/5/2022)	KHOA HỌC 5	8 giờ 00, thứ tư, ngày 18/5/2022	Giáo viên khối 1, 5
	LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 5	8 giờ 00, thứ sáu, ngày 20/5/2022	Giáo viên khối 1, 5
	TIẾNG ANH 5	Theo thời khóa biểu	GV Tiếng Anh và GVCN
	TIN HỌC 5	Theo thời khóa biểu	GV Tin học và GVCN
Tuần 33 (23/5 – 27/5/2022)	TIẾNG VIỆT 5	8 giờ 00, thứ ba, ngày 24/5/2022	Giáo viên khối 1, 5
	TOÁN + ĐỌC THÀNH TIẾNG 5	8 giờ 00, thứ tư, ngày 25/5/2022	Giáo viên khối 1, 5

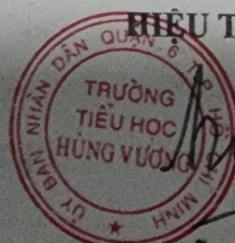
Tuần 35 (06/6 – 10/6/2022)	KHOA HỌC 4	8 giờ 00, thứ ba, ngày 07/6/2022	Giáo viên khối 4, 5, cô Mai
	LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ 4	8 giờ 00, thứ năm, ngày 09/6/2022	Giáo viên khối 4, 5, cô Tú
	TIẾNG ANH 1, 2, 3, 4	Theo thời khóa biểu	GV Tiếng Anh và GVCN
	TIN HỌC 1, 2, 3, 4	Theo thời khóa biểu	GV Tin học và GVCN
Tuần 36 (13/6 – 17/6/2022)	TIẾNG VIỆT 1	7 giờ 30, thứ ba, ngày 14/6/2022	Giáo viên khối 1, 2
	TIẾNG VIỆT 3		Giáo viên khối 3, 4, (trừ cô Thảo)
	TIẾNG VIỆT 2	7 giờ 30, thứ tư, ngày 15/6/2022	Giáo viên khối 2, 3
	TIẾNG VIỆT 4		Giáo viên khối 4, 5, cô Tuyền
	TOÁN 1	7 giờ 30, thứ năm, ngày 16/6/2022	Giáo viên khối 1, 2
	TOÁN 3		Giáo viên khối 3, 4, (trừ cô Nhi)
	TOÁN 2	7 giờ 30, thứ sáu, ngày 17/6/2022	Giáo viên khối 2, 3
	TOÁN 4		Giáo viên khối 4, 5, cô Nhã

- Giáo viên Giáo dục thể chất, Mỹ thuật, Âm nhạc nhận xét, đánh giá học sinh vào tuần 33.

Trên đây là kế hoạch Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ cuối năm học 2021-2022 của trường Tiểu học Hùng Vương, đề nghị các tổ khối và các bộ phận có liên quan nghiêm túc thực hiện.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT;
- BGH;
- TTCM;
- Lưu: VT.



Nguyễn Hữu Đức